TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ GIÁO
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **50**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 9 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ GIÁO, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mùi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lệ Hồng;

Ông Phạm Văn Cảnh.

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trương Thành Long - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Đình Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở TAND huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 146/2023/TLST - HNGĐ, ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 58/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1980; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương; Có đơn xin vắng mặt

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải nguyên đơn bà Nguyễn Kim T trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T1 chung sống với nhau từ năm 2001 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương ngày 27/9/2001. Sau khi kết hôn ông, bà sống tại xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương. Ông, bà làm công nhân, thu nhập bình quân mỗi người 7.000.000 đồng/tháng. Thời gian đầu chung sống ông, bà có hạnh phúc nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, không nói chuyện được với nhau, thường xuyên cãi nhau. Hiện tại đã ly thân, bà không còn tình cảm với ông T1 nên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

+ Về con chung: Bà T, ông T1 có 02 con chung là Nguyễn Văn T2, sinh ngày 19/10/2002 và Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/6/2011. Con chung Nguyễn Văn T2 đã trên 18 tuổi, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà T yêu cầu được quyền nuôi con chung Nguyễn Phúc L, yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Bà L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Văn T1 trình bày:

+ Về hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Kim T chung sống với nhau từ năm 2001 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương ngày 27/9/2001. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng có hạnh phúc nhưng sau đó thì không hạnh phúc nữa, ông và bà T không hợp nhau nữa. Vì vậy, ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Kim T.

+ Về con chung: Ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Văn T2, sinh ngày 19/10/2002 và Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/6/2011. Con chung Nguyễn Văn T2 đã trên 18 tuổi, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông đồng ý nhường quyền nuôi con chung Nguyễn Phúc L cho bà T nuôi dưỡng, tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phú Giáo phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng, của những người tiến hành tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Nguyên đơn, bị đơn có mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX giao cháu L cho nguyên đơn nuôi dưỡng, bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Cháu T2 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; Kiểm sát viên phát biểu về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của đương sự, về nội dung vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi thụ lý vụ án bị đơn cư trú tại xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Giáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim T và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, HĐXX quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Văn T1 chung sống trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn hôn tại UBND xã P, huyện P, tỉnh Bình Dương ngày 27/9/2001. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống nguyên đơn, bị đơn trình bày có mâu thuẫn xảy ra do tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân. Nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn đồng ý ly hôn với nguyên đơn.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, bị đơn đồng ý với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh, xác định nguyên đơn và bị đơn có với nhau 02 con chung là Nguyễn Văn T2, sinh ngày 19/10/2002 và Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/6/2011. Con chung Nguyễn Văn T2 đã trên 18 tuổi, nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu được quyền nuôi con chung Nguyễn Phúc L, bị đơn đồng ý nhường quyền nuôi con chung Nguyễn Phúc L cho nguyên đơn nuôi dưỡng. HĐXX xét các điều kiện về nuôi con, hiện con chung Nguyễn Phúc L đang sống ổn định với nguyên đơn, nguyện vọng của cháu L là sống cùng mẹ. Nên giao con Nguyễn Phúc L cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con con chung Nguyễn Phúc L 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Bị đơn đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn. Xét nhu cầu sinh hoạt của trẻ, cơ sở thu nhập, điều kiện kinh tế của bị đơn với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, các Điều 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Kim T đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Kim T được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Văn T2, sinh ngày 19/10/2002 đã trên 18 tuổi, đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét. Giao con chung Nguyễn Phúc L, sinh ngày 20/6/2011 cho bà Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Văn T1 phải cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Phúc L số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Không ai được cản trở ông Nguyễn Văn T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp, chính đáng của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có yêu cầu phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Kim T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2021/0005263, ngày 01 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương.

- Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
Nguyễn Thị Lệ Hồng	**Phạm Văn Cảnh**	**Nguyễn Thị Mùi**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Phú Giáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS huyện Phú Giáo;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mùi